TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH ĐỒNG NAI	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101**/2019/DS-PT

Ngày: 25-6-2019

V/v: *"T/c đòi lại tài sản và hợp đồng thuê tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNTỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thăng

Bà Phan Thị Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Tú-Cán bộ TAND tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLPT-DS ngày 29/01/2019 về "Tranh chấp đòi tài sản và hợp đồng thuê tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐ-PT ngày 23/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 178/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: **Ông Lê Minh V**, sinh năm 1959. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 10, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

-Bị đơn: **Bà Phạm Thị H**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 60/4, đường Lê Hồng P, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo Giấy ủy quyền ký ngày 06/12/2016 tại Văn phòng công chứng Võ Văn R, số công chứng 42, quyển số 01/2016 TP/CC-SCC/HĐGD và Giấy ủy quyền ký ngày 05/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai số chứng thực 1278/2018 quyển số 01/2018 SCT/CK, ĐC.

Người đại diện ủy quyền: Bà Kha Anh L, sinh năm 1992. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 60/4, đường Lê Hồng P, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Theo Giấy ủy quyền ký ngày 05/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai số chứng thực 1278/2018 quyển số 01/2018 SCT/CK, ĐC.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Nguyễn Vạn L-Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tất T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông V, bà L và Luật sư L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn ông Lê Minh V: Vào tháng 5 năm 2013 ông có mua 07 (bảy) con bò nuôi lấy sữa của bà Phạm Thị H với giá 260.000.000 đồng, ông và bà H đã giao tiền và giao bò đầy đủ. Để chăn nuôi đàn bò trên ông đã thuê lại toàn bộ trang trại nuôi bò và đồng cỏ của bà H với giá năm đầu tiên 10.000.000 đồng/năm, năm tiếp theo 12.000.000 đồng/năm cho đến khi nào kết thúc hợp đồng giao khoán giữa bà H với Công ty bò sữa. Đến cuối năm 2015, Công ty bò sữa thông báo giải tỏa thu hồi đất trước thời hạn hợp đồng giao khoán và Công ty bò sữa hỗ trợ toàn bộ trang trại nuôi bò, cơ sở hạ tầng, di dời đàn bò. Hợp đồng giao khoán được ký giữa Công ty với bà H nên khi nhận tiền bà H đã nhận toàn bộ số tiền hỗ trợ vào đầu tháng 7/2016, ngày 07/7/2016 bà H nói với ông phần chi phí ông bỏ ra sữa chữa làm mới thêm là 16.500.000 đồng, tiền di dời đàn bò 85.000.000 đồng bà H yêu cầu chia đôi tiền di dời đàn bò nhưng ông không đồng ý vì đàn bò 07 con nêu trên bà H đã bán cho ông từ năm 2013 nay hỗ trợ tiền di dời đàn bò (gồm 08 con bò đang vắt sữa và 03 con bê) thì ông là người được thụ hưởng nhưng bà H không đồng ý. Trường hợp mua bò như ông để chăn nuôi lấy sữa bán cho Công ty bò sữa tại địa phương có nhiều nhưng không ai tranh chấp như bà H. Ông đã yêu cầu hòa giải tại địa phương nhưng không thành. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết buộc bà Phạm Thị H trả cho ông số tiền được hỗ trợ sữa chữa xây dựng thêm khi thuê trang trại là 16.500.000 đồng và số tiền hỗ trợ di dời đàn bò 85.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm, không còn chứng cứ tài liệu gì khác, do tất cả các giao dịch cũng như thỏa thuận việc mua bán đàn bò, thuê trang trại ông chỉ thực hiện với bà H và bà H là người nhận tiền hỗ trợ từ Công ty bò sữa và không trả cho ông nên ông chỉ kiện cá nhân bà H có trách nhiệm trả cho ông số tiền trên. Đối với yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị H ông không đồng ý.

-Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị H và lời trình bày tại phiên tòa của bà Kha Anh L đại diện theo ủy quyền của bà H: Trước tháng 5 năm 2013 bà H là người ký hợp đồng với Xí nghiệp bò sữa A (nay là Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đ - sau đây gọi tắt là Công ty) về việc chăn nuôi bò và bán sữa cho Công ty, đến tháng 5 năm 2013 bà Hiền có bán 07 con bò sữa cho ông V và đã nhận đủ số tiền 260.000.000 đồng, sau khi bán bò cho ông V, bà H có cho ông V thuê trang trại để chăn nuôi bò, giá thuê đúng như ông V trình bày. Đến cuối năm 2015, Công ty giải tỏa thu hồi đất trước thời hạn giao khoán và Công ty hỗ trợ cho các hộ dân có trang trại trong đó có bà H. Số tiền di dời đàn bò 85.000.000 đồng phải chia đôi vì bà H bán đàn bò chứ không bán toàn bộ quyền và nghĩa vụ của trang trại với công ty nên bà H chỉ đồng ý hoàn trả cho ông V số tiền 42.500.000 đồng tức là chia

đôi số tiền 85.000.000 đồng, còn đối với số tiền 16.500.000 đồng là tiền ông V trang bị sữa chữa khi thuê trang trại bò gồm: 01 bồn nước Inox; 01 bồn nước nhựa số tiền 3.900.000 đồng, chuồng bò 4.800.000 đồng, sân bê tông, sàn giếng nước, đường mương thêm một số khoản khác tổng cộng 16.500.000 đồng bà H chỉ đồng ý trả cho ông V 13.300.000 đồng vì ông V còn thiếu của bà H 3.200.000 đồng (tiền 01 máy bơm 1.400.000 đồng; 600.000 đồng tiền điện tháng 6/2016, 200.000đ tiền hàng rào B 40 và 1.000.000 đồng tiền nhà tháng 6/2016). Không còn chứng cứ, tài liệu nào khác.

Ông Vũ Anh T thống nhất ý kiến trình bày của bà L, ông bổ sung thêm ý kiến về số tiền 16.500.000 đồng bên phía bị đơn đồng ý trả trường hợp bên nguyên đơn đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn mà không yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ, nếu nguyên đơn không đồng ý thì nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho số tiền 16.500.000 đồng thì bị đơn sẽ đồng ý trả.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tất T ý kiến việc giao dịch trại bò giữa ông V và bà H (vợ của ông), quá trình thực hiện, chấm dứt hợp đồng cũng như tranh chấp ông không thực hiện nên ông không có ý kiến, ông thống nhất với ý kiến của bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự số 64/2018/DSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố B đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 35, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 220 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 164, Điều 168, Điều 256, Điều 439 và Điều 480 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ Luật Dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 48, Điều 6; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết và Áp dụng theo Điều 18, Điều 27Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh V, buộc bà Phạm Thị H phải trả cho ông Lê Minh V số tiền 85.000.000 đồng tiền hỗ trợ di dời đàn bò, ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị H đồng ý trả cho ông Lê Minh V số tiền 16.500.000 đồng tiền xây dựng cải tạo thêm phần cơ sở vật chất, tổng cộng số tiền bà Phạm Thị H phải trả cho ông Lê Minh V là 101.500.000 đồng (Một trăm linh một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị H, ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh V đồng ý trả cho bà Phạm Thị H số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí DSST: Bà Phạm Thị H phải chịu 5.075.000 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp số 002080 ngày 11/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Bà H còn phải nộp tiếp 4.775.000 đồng.

Ông Lê Minh V phải chịu 300.000đ án phí đối với yêu cầu phản tố được trừ vào số tiền 2.538.000đ đã nộp tại biên lai thu tạm ứng, án phí, lệ phí số 000060 ngày 20/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả lại cho ông Lê Minh V số tiền tạm ứng án phí còn lại 2.238.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/10/2018 bị đơn bà Phạm Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét, phía bị đơn xin rút một phần kháng cáo, chỉ kháng cáo đối với số tiền hỗ trợ di dời đàn bò là 85.000.000đ, nếu ông V đồng ý phía bà H sẽ giao ½ số tiền hỗ trợ di dời đàn bộ. Ông V không đồng ý đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ luật tố tụng quy định.

Cấp sơ thẩm mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trong khi vắng mặt bị đơn, nhưng không công khai các tài liệu, chứng cứ cũng như yêu cầu phản tố của bị đơn cho nguyên đơn biết và không công khai các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được cho nguyên đơn biết, và nội dung thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn không đúng với nội dung mà Tòa án đã tiến hành mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/3/2018, ngày 13/4/2018 và ngày 17/5/2018. Đối với bị đơn có yêu cầu phản tố, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 03 lần nhưng đều vắng mặt ngày 19/3/2018, ngày 13/4/2018, ngày 17/5/2018 vắng mặt không lý do, Tòa án không đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn mà vẫn tiến hành giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên về đường lối không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H làm trong hạn luật định và nộp tạm ứng phúc thẩm, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của của bị đơn bà Phạm Thị H: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ kháng cáo đối với số tiền hỗ trợ di dời đàn bò là 85.000.000đ. Việc bà H cho rằng bà là người ký hợp đồng giao khoán với Tổng công ty công nghiệp thực phẩm Đ, nhưng sau đó bà H đã cho ông V thuê lại nhưng khi thanh lý hợp đồng giao khoán với Tổng công ty công nghiệp thực phẩm Đ thì lúc đó chỉ có 08 con bò vắt sữa và 03 con bê là của ông V, nhưng bà H là người đã nhận số tiền hỗ trợ đàn bò. Qua xác minh tại những hộ dân cũng mua bò của người ký hợp đồng giao khoán với công ty sữa và chăn nuôi lấy sữa giống như trường hợp của

ông V và bà H thì khi thanh lý hợp đồng trước hạn người đứng tên hợp đồng giao khoán với Công ty đều trả tiền hỗ trợ di dời đàn bò cho người đã mua bò. Như vậy, tại thời điểm thanh lý hợp đồng trước hạn ông V là chủ sở hữu đàn bò (gồm 08 con bò đang vắt sữa và 03 con bê) và đang thuê trang trại của bà H để chăn nuôi bò lấy sữa cung cấp cho Công ty.

Tại phiên tòa, bên bị đơn thừa nhận tại thời điểm thanh lý hợp đồng giao khoán với Công ty bà H không có bò, số con bò được Công ty kiểm kê để hỗ trợ di dời là đàn bò bà H đã bán cho ông Văn vào năm 2013, nên việc nhận tiền hỗ trợ di dời đàn bò phải thuộc về người đang chủ sở hữu đàn bò. Nên việc cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

Đối với việc công khai chứng cứ, hòa giải cấp sơ thẩm có sai sót, tuy nhiên về đường lối cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ và đúng pháp luật. Các bên không kháng cáo về nội dung phản tố và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Vì vậy, nên không cần thiết phải hủy án mà cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp, nên không chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 164, Điều 168, Điều 256, Điều 439 và Điều 480 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ Luật Dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 48, Điều 6; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết và Áp dụng theo Điều 18, Điều 27Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh V, buộc bà Phạm Thị H phải trả cho ông Lê Minh V số tiền 85.000.000 đồng tiền hỗ trợ di dời đàn bò, ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị H đồng ý trả cho ông Lê Minh V số tiền 16.500.000 đồng tiền xây dựng cải tạo thêm phần cơ sở vật chất, tổng cộng số tiền bà Phạm Thị H phải trả cho ông Lê Minh V là 101.500.000 đồng (Một trăm linh một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị H, ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh V đồng ý trả cho bà Phạm Thị H số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 5.075.000 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp số 002080, 009443 ngày 11/7/2017, 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Bà H còn phải nộp tiếp 4.775.000 đồng.

Ông Lê Minh V phải chịu 300.000đồng án phí đối với yêu cầu phản tố được trừ vào số tiền 2.538.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng, án phí, lệ phí số 000060 ngày 20/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả lại cho ông Lê Minh V số tiền tạm ứng án phí còn lại 2.238.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuậnthi hành án, quyền yêu cầuthi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP.Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Đương sự (3);
- Lưu (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Đào